

Số: **55** GGT-ĐHHL

Về: Giải thích nguyên nhân
 chênh lệch lợi nhuận hợp nhất
 6 tháng đầu năm 2018 trên báo
 cáo đã công bố và báo cáo
 kiểm toán

 No.: **55** GGT-ĐHHL

Regarding explaining the
 reason for consolidated profit
 difference between the
 disclosed first 6 months 2018
 statement and the audit result

Hải Phòng, ngày 15 tháng 8 năm 2018

Hai Phong May 15th, 2018

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Respectfully : - STATE SECURITIES COMMISSION

- HANOI STOCK EXCHANGE

Công ty CP Đồ hộp Hạ Long xin được giải trình lý do chênh lệch lợi nhuận hợp nhất trên báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 đã công bố và báo cáo kiểm toán như sau:

Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation would like to explain the reason for profit difference in the consolidated statement for the first 6 months 2018 which was disclosed and the audit result as follows:

Báo cáo hợp nhất: / Consolidated report:

Chỉ tiêu	Item	6 tháng đầu 2018 đã công bố	6 tháng đầu 2018 đã kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ
		first 6 months 2018 disclosed	first 6 months 2018 audited	Difference	Ratio
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	219.063.361.691	219.063.361.691	0	0,00%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	893.527.940	893.527.940	0	0,00%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	Net revenue from sale of goods and rendering of services	218.169.833.751	218.169.833.751	0	0,00%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold and services rendered	173.606.103.915	174.460.817.649	854.713.734	0,49%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	Gross profit from sale of goods and rendering of services	44.563.729.836	43.709.016.102	-854.713.734	-1,96%



Chỉ tiêu	Item	6 tháng đầu 2018 đã công bố	6 tháng đầu 2018 đã kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	911.209.462	911.209.462	0	0,00%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	444.335.922	444.335.922	0	0,00%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	361.275.403	361.275.403	0	0,00%
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	34.991.509.723	36.009.058.111	1.017.548.388	2,83%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	18.512.318.959	17.956.825.626	-555.493.333	-3,09%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	Operating profit	-8.473.225.306	-9.789.994.095	-1.316.768.789	-13,45%
11. Thu nhập khác	Other income	1.033.802.872	1.033.802.872	0	0,00%
12. Chi phí khác	Other expenses	89.587.247	89.587.247	0	0,00%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	Other profit	944.215.625	944.215.625	0	0,00%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	Net profit before tax	-7.529.009.681	-8.845.778.470	-1.316.768.789	-14,89%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current corporate income tax expense	878.857.753	800.054.887	-78.802.866	-9,85%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Deferred corporate income tax expense	0	0	0	0,00%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	Net profit after tax	-8.407.867.434	-9.645.833.357	-1.237.965.923	-12,83%



Như vậy, so với báo cáo đã công bố, trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán với công ty TNHH PWC (Việt Nam) lợi nhuận bị giảm thêm -1.237.965.923 tương ứng với 12,83% do đơn vị kiểm toán có yêu cầu trích trước một số khoản chi phí đã phát sinh nhưng chưa có hóa đơn về đồng thời phân loại lại một số khoản chi phí.

Then, for the consolidated statement issued by PWC (Vietnam) Limited, the profit from disclosed statement reduced 1.237.965.923 equivalent to 12,83%. The reason is the audit company require us to accrue some more expenses which were arised but the invoices not yet issued to us at the same time with reclassify some account.

Công ty chúng tôi xin được giải trình với Quý Cơ quan.

Our Company would like to explain to your Agency



ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỜ HỚP HÀ LONG

lc